

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4141/TTr-STC ngày 06 tháng 11 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kon Tum như sau:

1. Giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Kon Tum do Công ty cổ

## phần Cấp nước Kon Tum cung cấp

| Mục đích sử dụng nước              | Lượng nước sử dụng (m <sup>3</sup> /hộ/tháng) | Giá bán (đồng/m <sup>3</sup> ) |
|------------------------------------|---|--------------------------------|
| Sinh hoạt các hộ gia đình, cá nhân | Mức từ 01m <sup>3</sup> – 10m <sup>3</sup>    | 6.700                          |
|                                    | Từ trên 10m <sup>3</sup> – 20m <sup>3</sup>   | 7.900                          |
|                                    | Từ trên 20m <sup>3</sup> – 30m <sup>3</sup>   | 9.800                          |
|                                    | Từ trên 30m <sup>3</sup>                      | 14.700                         |

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, tiền dịch vụ môi trường rừng phải nộp theo quy định.

2. Giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn các huyện, thành phố Kon Tum do Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường cung cấp

| Mục đích sử dụng nước              | Giá bán (đồng/m <sup>3</sup> ) |
|------------------------------------|--------------------------------|
| Sinh hoạt các hộ gia đình, cá nhân | 6.200                          |

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, tiền dịch vụ môi trường rừng phải nộp theo quy định.

### **Điều 2.** Đối tượng áp dụng giá nước

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước sạch vào mục đích sinh hoạt thuần túy của gia đình, cá nhân (*kể cả sử dụng nước sạch vào mục đích sửa chữa và xây dựng nhà ở*); các cơ sở tôn giáo; ký túc xá học sinh, sinh viên; nhà ở tập thể của công nhân; các khu tập thể của các cơ quan, đơn vị; các cơ sở nuôi dưỡng các đối tượng chính sách xã hội.

2. Giá nước sạch sinh hoạt quy định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng chung cho người trong nước và người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### **Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao kiểm tra việc thực hiện giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Kon Tum có trách nhiệm cung cấp nước sạch sinh hoạt theo đúng giá đã được quy định.

### **Điều 4.** Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2020 và thay thế Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Kon Tum.

## 2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Kon Tum;

b) Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Công trình cấp nước sinh hoạt xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

c) Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch của Công trình cấp nước sinh hoạt cụm xã Diên Bình, huyện Đăk Tô và xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà./.

### ***Nơi nhận:***

- Như điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục kiểm tra VB QPPL- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP (KTTH);
- Lưu: VT, KTTH.TTL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**